| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÙ ĐĂNG**<br>TỈNH BÌNH PHƯỚC | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 28/2021/HNGĐ – ST
Ngày: 10/5/2021
V/v " Ly hôn".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà*: Bà Lưu Thùy Linh
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Mạnh Dũng
Ông Nguyễn Quang Liêu

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng:** không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý thụ lý số: 128/HNGĐ-ST, ngày 30 tháng 3 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 20/2021/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021; giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1990 ( có mặt)

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Viết Đ, sinh năm 1988 ( có mặt)

Cùng địa chỉ: thôn U, xã N, huyện B, tỉnh P.

**TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2021 quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:* Chị H và anh Nguyễn Viết Đ tự nguyện chung sống và kết hôn năm 2008, đến năm 2016 thì vợ chồng ly hôn, năm 2017 tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh P; chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì tiếp tục xảy ra Aều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, lối sống vợ chồng không hợp, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, cơ bản hai bên đều đã không còn tình cảm nên chị H và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2020 liên tục đến nay; cố gắng níu kéo cũng không mang lại hạnh phúc cho

nhau, chị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Viết Đ.

Về con chung: Có 02 con chung là các cháu Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 12/8/2009; cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 14/8/2013. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 cháu cho đến khi các cháu thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

*Bị đơn anh Nguyễn Viết Đ trình bày*: anh Nguyễn Viết Đ thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn là đúng, anh Đ và chị H tự nguyện chung sống và kết hôn năm 2008, đến năm 2016 thì vợ chồng ly hôn, năm 2017 tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh P; chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì tiếp tục xảy ra Aều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, lối sống vợ chồng không hợp, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, cơ bản hai bên đều đã không còn tình cảm nên chị H và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2020 liên tục đến nay; anh Đ thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Có 02 con chung là các cháu Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 12/8/2009; cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 14/8/2013. Sau khi ly hôn anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 cháu cho đến khi các cháu thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Các tài liệu, chứng cứ:* Nguyên đơn nộp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, giấy khai sinh con chung; ngoài ra không giao nộp gì thêm. Bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Viết Đ tự nguyện chung sống và kết hôn năm 2017, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh P phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn đã được chị H giao nộp hợp pháp tại Tòa án. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Viết Đ là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Theo lời khai của chị H và anh Đ đều thừa nhận giữa chị H và anh Đ có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, lối sống, quan điểm sống không hợp, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, có lời lẽ xúc phạm lẫn nhau, từ đó mất tình cảm và sống ly thân kéo dài; hiện nay cả chị H và anh Đ

đều thấy không còn sự yêu thương nhau, đều đồng ý ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị H và anh Đ là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là các cháu Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 12/8/2009; cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 14/8/2013. Sau khi ly hôn cả chị H và anh Đ đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 cháu cho đến khi các cháu thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy cả chị H và anh Đ đều có nghề nghiệp, có thu nhập khá ổn định, có nhà ở đều có điều kiện để nuôi dưỡng các cháu; qua lời khai của cháu Nguyễn Hoàng S, cháu Nguyễn Hoàng A đều có nguyện vọng được chung sống với mẹ và hiện nay các cháu đang chung sống cùng mẹ; để các cháu tiếp tục ổn định cuộc sống, sinh hoạt, chấp nhận ý kiến của các cháu, yêu cầu của chị H, giao các cháu Nguyễn Hoàng S, cháu Nguyễn Hoàng A cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra để xem xét.

[3] Về tài sản chung: tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn chị H phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vàoNghị quyết số 326/2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chị Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với anh Nguyễn Viết Đ.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 12/8/2009; cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 14/8/2013 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng

nuôi con. Anh Đ có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo qui định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về tài sản chung: tự thoả thuận, không yêu cầu toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: tự thoả thuận, không yêu cầu toà án giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 016119, ngày 30/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

[6] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**LƯU THÙY LINH**